

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 11 - 2021.

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hồng Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Lê Thị Thu Ba,

2. Ông Nguyễn Trí Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân HUYỆN Đ, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân HUYỆN Đ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 498/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Th M, xã H Kh Đ, HUYỆN Đ, tỉnh Long An. (xin vắng mặt)

*Bị đơn:* Huỳnh Văn T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Nh H 2, xã Đ H Th, HUYỆN Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25 tháng 5 năm 2021 và bản tự khai ngày 25 tháng 10 năm 2021, nguyên đơn bà T trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, kiếm chuyện gây gổ với bà nên vợ chồng sống ly thân với nhau. Nay, bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có con chung tên Huỳnh Ngọc L, sinh ngày 16/6/2008, hiện đang sống chung với ông T. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng. Bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T, hiện đăng ký hộ khẩu tại HUYỆN Đ, tỉnh Long An, có xác nhận của Công an xã Đ H Th nên Tòa án nhân dân HUYỆN Đ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[1.3]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng ông T vẫn vắng mặt. Bà T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông T chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông T và bà T không được xem là hôn nhân hợp pháp, đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Trong quá trình chung sống, bà T cho rằng năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, kiếm chuyện gây gổ với bà nên vợ chồng sống ly thân với nhau. Nay, bà xin ly hôn với ông T. Đối với ông T, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông T không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Tại phiên tòa hôm nay, bà T, ông T đều vẫn vắng mặt, chứng tỏ ông bà không có thiện chí để hàn gắn. Xét thấy, do ông T và bà T chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận ông T và bà T là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông T có con chung tên Huỳnh Ngọc L, sinh ngày 16/6/2008, hiện đang sống chung với ông T. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng. Bà không cấp dưỡng nuôi con. Đối với ông T, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, biết được yêu cầu khởi kiện của bà T về con chung nhưng ông T không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Xét thấy, để đảm bảo sự phát triển bình thường và theo nguyện vọng của cháu L nên buộc bà T có trách nhiệm giao con chung cho ông T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thảo T đối với ông Huỳnh Văn T về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Thảo T và ông Huỳnh Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Buộc bà T có trách nhiệm giao con chung tên Huỳnh Ngọc L, sinh ngày 16/6/2008 cho ông T nuôi dưỡng. Bà T không cấp dưỡng nuôi con, do ông T không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007674 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Bà T đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm, công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND HUYỆN Đ;
- UBND xã Đ H Th;
- Chi cục THADS HUYỆN Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Hồng Sơn**





















---